

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-DPTƯ2

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2

Căn cứ :

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2;

- Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2, ngày 21 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 nhất trí thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc năm 2022, Kế hoạch SXKD phương hướng hoạt động của ban TGD năm 2023

1.1 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 năm 2022 (tài liệu kèm theo):

- Doanh thu: 188.203.291.783 VNĐ

- Lợi nhuận sau thuế: -23.705.249.501 VNĐ

Với tỷ lệ nhất trí như sau:

- Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

1.2 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 năm 2023, phương hướng hoạt động của ban TGD năm 2023 (tài liệu kèm theo):

- Doanh thu: 200.000.000.000 VNĐ

- Lợi nhuận sau thuế: 0 VNĐ

Với tỷ lệ nhất trí như sau:

- Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 nhất chí thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022, phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023. (tài liệu kèm theo)

a. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua nội dung báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 (tài liệu kèm theo).

Với tỷ lệ nhất trí như sau:

- Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

b. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2023 (tài liệu kèm theo).

Với tỷ lệ nhất trí như sau:

- Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 nhất chí thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022; kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát (tài liệu kèm theo)

a. Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 (tài liệu kèm theo)

Với tỷ lệ nhất trí như sau:

- Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

b. Đại hội nhất trí thông qua phương hướng nhiệm vụ hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 (tài liệu kèm theo).

Với tỷ lệ nhất trí như sau:

- Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

Điều 4. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 nhất chí thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán (tài liệu kèm theo):

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty với tỷ lệ nhất trí như sau:



- Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

Điều 5. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 nhất chí thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị Kiểm toán cho năm tài chính 2023 của Công ty

Đại hội nhất trí thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2023 của Công ty cổ phần được phẩm trung ương 2 là: Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE) với tỷ lệ nhất trí như sau:

- Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

Điều 6. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 nhất chí thông qua phương án chi trả Cổ tức và trích lập các quỹ năm 2022

Đại hội nhất trí thông qua phương án không chi trả cổ tức năm 2022 và không trích lập các quỹ năm 2022.

Với tỷ lệ nhất trí như sau:

- Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

Điều 7. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 nhất chí thông qua thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 và mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2023

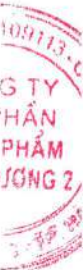
1. Đại hội nhất trí thông qua mức thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2022

- Tổng mức thù lao cho HĐQT & BKS năm 2022 là: 72.800.000 VNĐ
- Thù lao Hội đồng quản trị năm 2022 là: 44.000.000 VNĐ.
- Thù lao Ban kiểm soát năm 2022 là: 28.800.000 VNĐ.

Với tỷ lệ nhất trí như sau:

- Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

2. Đại hội nhất trí thông qua mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2023



- Thù lao Hội đồng quản trị năm 2023 là:
 - + Chủ tịch HĐQT: 0 VNĐ/ 1 tháng.
 - + Thành viên HĐQT: 1.000.000 VNĐ/1 tháng.
- Thù lao Ban kiểm soát năm 2023 là:
 - + Trưởng ban kiểm soát: 1.000.000 VNĐ/1 tháng.
 - + Thành viên ban kiểm soát: 700.000 VNĐ/ 1 tháng.

Với tỷ lệ nhất trí như sau:

- Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

Điều 8. Điều khoản bổ sung

Đại hội giao cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 triển khai thực hiện ngay kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và các công việc có liên quan khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông được lập gồm 04 (bốn) trang, được các đại biểu tham dự Đại hội nhất trí thông qua vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

Nghị quyết này sẽ được thông báo cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Đinh Thị Minh Hương

T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Nguyễn Tiến Đức

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2023

**BIÊN BẢN CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**

(Giấy CNĐKKD: Mã số doanh nghiệp số 0100109113, đăng ký tại Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội ngày 03 tháng 03 năm 2005, thay đổi lần thứ 16 ngày 17 tháng 03 năm 2023)

Địa chỉ trụ sở chính: Số 9, phố Trần Thánh Tông, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Số điện thoại : 024 3971 6279/91

Fax : 024 3525 1484

I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ MỤC ĐÍCH CỦA ĐẠI HỘI:

Thời gian: 8 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút ngày 21 tháng 4 năm 2023.

Địa điểm: Hội trường nhà máy sản xuất – Công ty CPDPTU2 tại Lô 27 khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội.

Mục đích của Đại hội:

Mục đích của Đại hội này là thảo luận và thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc năm 2022, kế hoạch năm 2023; thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của HĐQT; thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của BKS; thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán 2022, tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023, tờ trình phương án chi trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2022, tờ trình báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023, và một số nội dung thảo luận khác.

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI

1. Ban chủ tọa:

- Ông Nguyễn Tiến Đức – Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa
- Ông Lê Tiến Dũng – Phó chủ tịch HĐQT
- Ông Cao Tiến Dũng – Thành viên HĐQT

2. Ban thư ký:

- Bà Định Thị Minh Hương – Trưởng ban

- Ông Hà Thọ - Thành viên

3 Ban kiểm phiếu:

- Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy – Trưởng ban

- Bà Vũ Thị Thu Hằng – Thành viên

- Ông Bùi Anh Tuấn – Thành viên

4. Ban tổ chức Đại hội

5. Khách mời tới dự Đại hội:

Đại diện công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam: Bà Đặng Thị Thu Hằng

6. Các cổ đông của công ty.

III. TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI:

1. Giới thiệu :

- Người dẫn chương trình mời Ban kiểm tra tư cách cổ đông lên đọc Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông:

+ Số cổ đông có mặt tham dự trực tiếp tại Đại hội: 10 cổ đông.

+ Số cổ đông ủy quyền hợp lệ cho người khác tham dự Đại hội: 05 cổ đông.

+ Tổng số cổ đông và người được ủy quyền tham dự Đại hội: 15 cổ đông.

+ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại hội: 18.888.145 CP.

+ Tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 94,44%.

- Người dẫn chương trình giới thiệu thành phần Ban Chủ tọa, khách mời và mời Ban Chủ tọa lên làm việc; giới thiệu Ban Thư ký, ban kiểm phiếu, chương trình và nội dung Đại hội và xin ý kiến cổ đông biểu quyết thông qua;

Với tỷ lệ nhất trí như sau:

➤ Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%

➤ Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

➤ Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

- Đại diện ban chủ tọa đọc quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông; thể lệ biểu quyết tại Đại hội và xin ý kiến cổ đông biểu quyết thông qua;

Với tỷ lệ nhất trí như sau:

➤ Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%

➤ Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

➤ Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

2. Tiến hành Đại hội:

2.1. Báo cáo hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

a. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua nội dung báo cáo kết quả SXKD năm 2022 của Ban Tổng giám đốc (tài liệu kèm theo).

- Doanh thu: 188.203.291.783 VNĐ
- Lợi nhuận sau thuế: -23.705.249.501 VNĐ
- Cổ tức: 0 %.

Với tỷ lệ nhất trí như sau:

- Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

b. Đại hội nhất trí thông qua kế hoạch SXKD năm 2023 của Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 như sau (tài liệu kèm theo).

- Doanh thu: 200.000.000.000 VNĐ
- Lợi nhuận sau thuế: 0 VNĐ

Với tỷ lệ nhất trí như sau:

- Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

2.2 Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị :

a. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua nội dung báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 (tài liệu kèm theo).

Với tỷ lệ nhất trí như sau:

- Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

b. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2023 (tài liệu kèm theo).

Với tỷ lệ nhất trí như sau:

- Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

2.3. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của Ban Kiểm soát:

a. Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 (tài liệu kèm theo)

Với tỷ lệ nhất trí như sau:

- Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

b. Đại hội nhất trí thông qua phương hướng nhiệm vụ hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 (tài liệu kèm theo).

Với tỷ lệ nhất trí như sau:

- Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

2.4. Đại hội nhất trí thông qua báo cáo kết quả tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán (tài liệu kèm theo).

Với tỷ lệ nhất trí như sau:

- Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

2.5. Thông qua nội dung các tờ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

a. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm tài chính 2023 của Công ty là: Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)

Với tỷ lệ nhất trí như sau:

- Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

b. Thông qua Tờ trình phương án chi trả Cổ tức và trích lập các quỹ năm 2022.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty thông qua phương án không chi trả cổ tức năm 2022 và không trích lập các quỹ năm 2022.

Với tỷ lệ nhất trí như sau:

- Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

2.6. Thông qua thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 và mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2023:

a. Chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát năm 2022:

* Tổng chi phí: 72.800.000 VNĐ.

- Thù lao Hội đồng quản trị: 44.000.000 vnd.
- Thù lao Ban kiểm soát: 28.800.000 vnd .

Với tỷ lệ nhất trí như sau:

- Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

b. Mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2023:

- Thù lao của HĐQT:
 - + Chủ tịch HĐQT: 0 vnd/ 1 tháng.
 - + Thành viên HĐQT: 1.000.000 vnd/1 tháng.
- Thù lao của BKS:
 - + Trưởng ban: 1.000.000 vnd/ 1 tháng.
 - + Thành viên: 700.000 vnd/ 1 tháng.

Với tỷ lệ nhất trí như sau:

- Đồng ý: 18.888.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

3. Thông qua biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 với tỷ lệ nhất trí như sau:

- 3. Đồng ý: cổ phần, chiếm tỷ lệ:
- 4. Không đồng ý: cổ phần, chiếm tỷ lệ:
- 5. Không có ý kiến: cổ phần, chiếm tỷ lệ:

Biên bản này gồm 05 trang, được thư ký Đại hội ghi lại đầy đủ, trung thực, đọc lại trước Đại hội và được các cổ đông tham dự Đại hội nhất trí thông qua.

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Đại hội kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2023

CHỮ KÝ XÁC NHẬN

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Đinh Thị Minh Hương

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Nguyễn Tiến Đức

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2023**

Kính thưa quý Đại biểu! Kính thưa Quý Cổ Đông!

Hội Đồng Quản Trị xin trân trọng chào mừng quý Đại biểu, quý Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Cty CPDPTW2, tại Công ty ngày hôm nay.

Kính thưa Đại Hội!

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin báo cáo với Đại hội về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023 như sau:

A - BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022.

I/- Nhân sự Hội đồng quản trị Công ty:

Hội đồng quản trị Công ty sau ĐHCĐ năm 2022 gồm có 5 thành viên:

1. Ông Nguyễn Tiến Đức – Chủ tịch HĐQT Công ty;
2. Ông Lê Tiến Dũng – Phó Chủ tịch HĐQT Công ty;
3. Ông Cao Quang Hưng – Thành viên HĐQT Công ty;
4. Ông Nguyễn Thanh Tùng – Thành viên HĐQT Công ty;
5. Ông Cao Tiến Dũng – Thành viên HĐQT Công ty;

II/- Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2022:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc lãnh đạo, quản lý, điều hành theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty để thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2 xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 kết quả lãnh đạo, chỉ đạo các mặt hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2022 như sau:

1. Công tác tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện:

Trong năm 2022 Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 06 cuộc họp phục vụ yêu cầu nhiệm vụ SXKD và đầu tư, đã ban hành 06 Nghị quyết phục vụ công tác Quản trị của Công ty.

Các văn bản do HĐQT được ban hành kịp thời và dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, đúng pháp luật, quyết định đúng đắn chiến lược hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát, kiểm tra và chỉ đạo Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc thực hiện các văn bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Do vậy, mọi văn bản, Nghị quyết của HĐQT công ty đều được Ban điều hành thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả cao.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị còn được thông qua công tác kiểm toán định kỳ hàng năm.

Các cuộc họp của HĐQT đều mời Ban kiểm soát Công ty tham dự.

HĐQT Công ty đã chỉ đạo và hoàn thành các công tác chính sau:

- Phân công công tác đối với từng thành viên HĐQT Công ty theo từng lĩnh vực.
- HĐQT Công ty thường xuyên đánh giá tình hình hoạt động, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, việc thực hiện Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, từ đó có biện pháp chỉ đạo kịp thời.

2. Công tác chỉ đạo các mặt hoạt động của công ty:

- HĐQT đã chỉ đạo và phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc Công ty theo định hướng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022. Hàng tháng, hàng quý đều xem xét, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư, từ đó chủ động đưa ra những quyết định chỉ đạo, điều chỉnh phù hợp, kịp thời.

- Chỉ đạo công tác báo cáo phân tích hoạt động kinh tế quý, năm. Thông qua kiểm tra, giám sát và công tác kiểm toán định kỳ.

- Chỉ đạo giải quyết các vướng mắc còn tồn tại của công ty về vấn đề quyết toán công trình xây dựng nhà máy GMP – WHO tại Quang Minh, các tồn tại của dự án xây dựng nhà máy GMP – WHO tại Quang Minh.

- Chỉ đạo và đưa ra các biện pháp thu hồi công nợ tồn đọng, khó đòi, phương án xử lý công nợ của dự án xây dựng nhà máy với các đơn vị liên quan.

- Duyệt và chỉ đạo thực hiện việc huy động vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư.

- Quy hoạch và sử dụng cán bộ, đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị theo dõi, đánh giá và có những quyết định về tổ chức và nhân sự phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng Giám đốc kiện toàn tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty nhằm phục vụ tốt nhất việc điều hành thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ngoài ra HĐQT đã chỉ đạo, ra các Nghị quyết, Quyết định về các vấn đề cần giải quyết trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư để Tổng Giám đốc có căn cứ tổ chức thực hiện.

- Hội đồng quản trị luôn chủ động phối hợp với tổ chức Đảng, các đoàn thể trong công ty trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Đặc biệt là công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

- Hội đồng quản trị công ty thường xuyên báo cáo tình hình hoạt động cụ thể của công ty và chủ động đề xuất với cổ đông lớn của công ty về những giải pháp để từng bước đưa công ty thoát khỏi khó khăn.

- Hội đồng quản trị trực tiếp chỉ đạo và giám sát các hoạt động Sản xuất kinh doanh và đầu tư của công ty.

- Hội đồng quản trị trực tiếp chỉ đạo triển khai thực hiện việc thi công thay thế hệ thống PCCC và hoàn thành nghiệm thu hệ thống PCCC theo đúng quy định của pháp luật.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và tham gia trực tiếp trong việc đàm phán, giải quyết dứt điểm việc thống nhất và thanh toán khoản tiền thuê cơ sở hạ tầng của nhà máy còn nợ tồn đọng với Công ty Nam Đức.

3. Hoạt động SXKD của Công ty năm 2022

Doanh thu: Doanh thu thuần năm 2022: 188,2 tỷ đồng, đạt 99,5 % so với kế hoạch, tăng 4,6% so với năm 2021.

Năm 2022 công ty trực tiếp tham gia đấu thầu cung ứng thuốc tại 38 tỉnh, 6 bệnh viện trung ương, 192 bệnh viện các tuyến khác.

Giá trị doanh thu trên các sản phẩm hợp tác Sản xuất - Phân phối và doanh thu hàng gia công: 158,2 tỷ đồng (Bằng gần 84% tổng doanh thu).

Doanh thu trực tiếp của công ty trong năm 2022: qua đấu thầu và không qua đấu thầu (OTC): 30 tỷ. (Bằng gần 16% tổng doanh thu).

4. Đánh giá:

Năm 2022 Hội đồng quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm giao phó.

Có được kết quả này trước hết là sự đồng tâm hợp lực và trí tuệ của từng thành viên trong Hội đồng quản trị, sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và toàn thể người lao động trong Công ty.

Hội đồng quản trị công ty cũng luôn nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các cổ đông, đặc biệt từ cổ đông lớn, ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo và sự quan tâm hỗ trợ của Tổng Công ty Dược Việt Nam.

Thông qua Đại hội này, Hội đồng quản trị Công ty trân trọng cảm ơn Ban Tổng Giám Đốc, toàn thể người lao động trong Công ty, trân trọng cảm ơn các cổ đông, Đặc biệt là các cổ đông lớn về tất cả những tình cảm, trí tuệ đã dành cho Công ty.

Tuy nhiên, hoạt động của Công ty trong điều kiện nội lực còn hạn chế cộng thêm những tác động khách quan do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Trung Quốc thực hiện chính sách Zero Covid – 19 ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn nguyên liệu sản xuất thuốc nhập khẩu từ Trung Quốc, nên có những chỉ tiêu Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện chưa đạt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đề ra.

B - PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2023.

Năm 2023 dự báo có nhiều cơ hội thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức HĐQT xác định phương hướng nhiệm vụ như sau:

- Doanh thu: 200 tỷ
- Lợi nhuận: không âm, cố gắng có lãi.

- Không ngừng nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý điều hành. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản nội bộ.

- Hội đồng quản trị tăng cường hơn nữa công tác giám sát, nhất là giám sát chiều sâu theo từng chuyên đề cụ thể.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm nhưng việc ổn định chất lượng, hợp lý hóa giá thành sản phẩm phải đặt lên hàng đầu. Thường xuyên kiểm tra Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

- Lãnh đạo công ty phát triển bền vững thông qua chỉ đạo và giám sát hoạt động của ban Tổng giám đốc, hoàn thành các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đã đề ra và phê duyệt.

- Thực hiện tốt công tác của HĐQT trong quản trị doanh nghiệp như bám sát, chỉ đạo kịp thời, đưa ra các điều chỉnh phù hợp trong tình hình cụ thể để giúp Tổng giám đốc có định hướng trong các hoạt động năm 2023 và có định hướng cho các năm tiếp theo.

- Định hướng chiến lược phát triển công ty, thông qua các kế hoạch phát triển dự kiến của Tổng Giám đốc.

- Quản lý và chỉ đạo trực tiếp công tác đầu tư.

- Thực hiện các chức năng quản trị theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT theo qui định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty
- Lưu Cty

**TM/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Tiến Đức

Số: 51/BC-TGD-2023

Hà Nội, Ngày 23 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2022
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2023 CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

I/ Đặc điểm tình hình

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, mưa bão, hạn hán... đã làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu.

Mặc dù, dự báo gần đây nhất về tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2022 được các tổ chức quốc tế điều chỉnh tăng so với các dự báo đưa ra trong quý III/2022 nhưng đều thấp hơn so với năm 2021.

Trong nước, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, tạo đà hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2022 và giai đoạn 2021-2025 mà Nghị quyết Đại hội XIII đề ra, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương theo dõi sát sao tình hình, sự thay đổi chính sách của các nước để kịp thời ban hành các chính sách tiền tệ, tài khóa và các giải pháp vĩ mô phù hợp. Đồng thời triển khai tích cực, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP, Nghị quyết số 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Nhờ đó, nền kinh tế nước ta phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo. Môi trường đầu tư kinh doanh cải thiện góp phần tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tạo được sự tin tưởng, ủng hộ của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp.

Ước tính GDP năm 2022 tăng 8,02%. Trong mức tăng của tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, khu vực dịch vụ tăng 9,99%.

GDP bình quân đầu người năm 2022 theo giá hiện hành ước đạt 95,6 triệu đồng/người, tương đương 4.110 USD, tăng 393 USD so với năm 2021. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2022 theo giá hiện hành ước tính đạt 188,1 triệu đồng/lao động (tương đương 8.083 USD/lao động, tăng 622 USD so với năm 2021). Theo giá so sánh, năng suất lao động năm 2022 tăng 4,8% do trình độ của người lao

động được cải thiện.

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý IV/2022 cho thấy: Có 32,6% số doanh nghiệp đánh giá tốt hơn so với quý III/2022; 33,7% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và 33,7% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn.

Theo khảo sát của Vietnam Report triển khai trong tháng 10-11/2022, gần 90% số doanh nghiệp sản xuất, phân phối và kinh doanh dược phẩm cho biết doanh thu tăng lên, gần 80% số doanh nghiệp ghi nhận mức tăng trưởng lợi nhuận trong 9 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021. Đại dịch COVID-19 đã tạo ra chuyển dịch nhanh hơn trong cơ cấu doanh thu ngành dược phẩm theo nhiều cách khác nhau, dịch bệnh bùng phát đã khiến người dân hạn chế đến khám chữa bệnh tại bệnh viện, đồng thời họ cũng chuyển sang mua thuốc điều trị triệu chứng COVID-19 và thực phẩm bổ sung hồi phục sức khỏe giai đoạn hậu COVID-19 tại kênh nhà thuốc, sự gia tăng tiêu dùng đối với các sản phẩm vitamin hay thực phẩm chức năng để tăng cường hệ miễn dịch, củng cố sức khỏe trong bối cảnh "sống chung với COVID-19", nhà thuốc theo mô hình hiện đại giành được thị phần từ các hiệu thuốc truyền thống, khi Chính phủ dần đưa ra các quy định chặt chẽ hơn đối với các nhà bán lẻ dược phẩm (kiểm soát chặt chẽ hơn đối với thuốc kê đơn và triển khai hình thức đơn thuốc điện tử), kênh nhà thuốc có thể đã chiếm thị phần từ kênh bệnh viện, do các bệnh viện công thận trọng hơn trong hoạt động đấu thầu thuốc.

Tất cả những nhân tố trên đã khiến tốc độ doanh thu của kênh ETC bị suy giảm kể từ đầu năm 2021, mặc dù đã có tín hiệu cải thiện vào quý 1/2022. Ngược lại, doanh thu của kênh OTC duy trì ổn định ở mức tăng 10% trong năm 2021 và vẫn tiếp tục cải thiện đến hết quý 1/2022. Có thể dễ dàng quan sát điều này thông qua sự mở rộng mạng lưới mạnh mẽ của hàng loạt chuỗi bán lẻ dược phẩm như Long Châu, Pharmacity, An Khang... trong năm vừa qua. Theo kế hoạch, tổng số nhà thuốc của ba chuỗi bán lẻ này có thể lên đến con số 7.300 trong năm 2025, tương đương 16% thị phần.

Sau khi chứng kiến mức giảm liên tục trong 9 tháng cuối năm 2021, chỉ số sản xuất công nghiệp ngành thuốc, hóa dược và dược liệu đã bắt đầu có dấu hiệu tăng trưởng trở lại trong quý 1/2022, khởi sắc vào quý 2 với mức tăng trưởng 24,6% - gần đạt mức tăng trưởng so với cùng thời điểm năm 2020 khi đại dịch chưa bùng phát tại Việt Nam. Lũy kế 9 tháng đầu năm, chỉ số này đạt tăng trưởng 18,3%.

Trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động, xung đột Nga – Ukraine kéo theo khủng hoảng năng lượng và nhiều nền kinh tế lớn đang rơi vào suy thoái, kinh tế trong nước cũng liên tiếp gặp nhiều cú sốc, ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư, doanh nghiệp và người tiêu dùng, ngành dược phẩm cũng chịu những tác động không nhỏ. Khảo sát của Vietnam Report cho thấy, top 4 thách thức ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành bao gồm: (1) Rủi ro từ chuỗi cung ứng, chi

phí hậu cần gia tăng; (2) Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành; (3) Sự leo thang chi phí nguyên liệu thô; và (4) Sức ép từ tỷ giá gia tăng.

Thách thức hàng đầu xuất phát từ việc ngành dược trong nước còn phải nhập khẩu nguyên phụ liệu từ nước ngoài với tỷ lệ khá cao, lên tới 80%-90%. Trong đó, số nguyên phụ liệu nhập khẩu từ Ấn Độ và Trung Quốc chiếm tỷ trọng lên tới 85% tổng kim ngạch nguyên phụ liệu nhập khẩu. Đại dịch COVID-19 đã bộc lộ rõ sự lúng túng của doanh nghiệp trong nước khi chuỗi cung ứng thuốc từ các nước bị đứt gãy. Việc phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu cũng khiến ngành dược chịu ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài như biến động tỷ giá, nguồn hàng cung cấp; thêm vào đó là chi phí nhập khẩu khiến giá thành thuốc của Việt Nam cao hơn khoảng 20-25% so với Trung Quốc, Ấn Độ. Theo số liệu thống kê từ giữa năm 2018, giá nhiều nguyên liệu dược phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc đã tăng mạnh từ 15% đến 80%, điều này khiến cho lợi nhuận gộp của nhiều doanh nghiệp giảm sâu.

Tuy nhiên, có một tín hiệu đáng mừng khi mà 64,3% số doanh nghiệp tham gia khảo sát của Vietnam Report cho biết họ nỗ lực nghiên cứu thị trường, sản xuất ra các loại thuốc phù hợp với nhu cầu của người dân, tăng cường kiểm soát nguồn nguyên liệu đầu vào. 85,7% số doanh nghiệp gia tăng chi tiêu cho hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm trong năm vừa qua. 57,1% số doanh nghiệp nâng cấp, đầu tư nhà máy đạt chuẩn quốc tế. 42,9% số doanh nghiệp đã đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm phục vụ nghiên cứu thuốc và tăng cường chuyển giao công nghệ sản xuất nguyên liệu (mua bằng phát minh, sáng chế, hợp tác...). Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài là thách thức không mới đối với ngành dược, được 78,6% số doanh nghiệp tham gia khảo sát của Vietnam Report dự báo sẽ còn tiếp tục kéo dài cho đến năm 2023. Theo chia sẻ của lãnh đạo các doanh nghiệp, điểm yếu của doanh nghiệp trong nước chính là thị phần phân tán, quy mô nhỏ và tiềm lực tài chính còn mỏng. Khả năng tăng đầu tư vào nghiên cứu và trang bị công nghệ sản xuất bị hạn chế, khó khăn trong đầu tư dự án quy mô lớn, trong việc mua các sáng chế về dược, thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm.... Hầu hết các doanh nghiệp nội địa đều tập trung sản xuất các loại thuốc phổ biến trên thị trường, trong khi đó các loại thuốc chuyên khoa, đặc trị, yêu cầu kỹ thuật bào chế hiện đại chưa được quan tâm đúng mức. Từ đó gây nên tình trạng sản xuất chồng chéo, tranh giành phân khúc thị trường nhỏ giữa hầu hết các doanh nghiệp trong nước.

Ngành Dược phẩm là một lĩnh vực kinh doanh có điều kiện, ngoài việc chịu ảnh hưởng chung của nền kinh tế, xã hội thì còn bị chi phối bởi các chính sách và cơ chế quản lý riêng của ngành hiện vẫn rất rắc rối có nhiều khó khăn.

Tài chính của công ty vẫn hết sức khó khăn, chưa cân đối trong thu chi.

Nhân sự trong công ty còn thiếu chuyên nghiệp và thành thạo, năng suất lao động còn thấp, sai hỏng nhiều, khả năng cạnh tranh thấp.

Khắc phục những khó khăn, thách thức từ nhiều mặt, tập thể lãnh đạo và nhân viên trong toàn Công ty đã đoàn kết, không ngừng phấn đấu để đạt được một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh như sau:

II/ Kết quả hoạt động năm 2022:

Kết quả đạt được và tồn tại trong các mặt công tác thể hiện như sau:

Các chỉ tiêu chủ yếu:

Khoản mục	Thực hiện 2022	Thực hiện so với Kế hoạch năm 2022		Thực hiện năm 2022 so với thực hiện năm 2021	
		Kế hoạch 2022	Thực hiện (%)	Thực hiện 2021	Tăng/Giảm (%)
1. Doanh thu thuần	188.203.291.783	190.000.000.000	99,5%	179.998.822.069	4,6%
2. Giá vốn hàng bán	180.904.669.244			172.106.734.386	5,1%
3. Lãi gộp	7.298.622.539			7.892.087.683	-7,5%
4. Tỷ lệ lãi gộp	3,9%			4,4%	-11,4%
5. Tổng chi phí	31.900.176.237			26.573.908.997	20%
5.1. Chi phí bán hàng	3.805.891.686			2.949.183.639	29%
5.2. Chi phí quản lý	13.229.879.347			11.527.665.284	14,8%
5.3. Chi phí tài chính	14.864.405.204			12.097.060.074	22,9%
6. Lợi nhuận trước thuế	-23.705.249.501	0		-17.928.501.721	32,5%
7. Lợi nhuận sau thuế	-23.705.249.501			-17.928.501.721	32,5%

Các công tác:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022:

1. Doanh thu: Doanh thu thuần năm 2022 đạt: 188,2 tỷ đồng, đạt 99,5% so với kế hoạch, tăng 4,6% so với năm 2021.

Năm 2022 công ty trực tiếp tham gia đấu thầu cung ứng thuốc tại 38 tỉnh, 6 bệnh viện trung ương, 192 bệnh viện các tuyến khác.

Giá trị doanh thu trên các sản phẩm hợp tác Sản xuất - Phân phối và doanh thu

thầu (OTC): 30 tỷ. (Bằng gần 16% tổng doanh thu).

2. Sản lượng các dây chuyền sản xuất trong năm 2022:

ST T	Dây chuyền	Sản lượng sản xuất		Năm 2022 So với 2021
		Năm 2022	Năm 2021	
1	Dây chuyền NonBetalactam	113.705.005	116.778.467	97,4 %
2	Dây chuyền Penicilin	6.704.700	21.009.080	31,9 %
3	Dây chuyền Cephalosporin	17.923.980	20.185.393	88,8 %
4	Dây chuyền Tiêm nước	1.162.190	1.040.621	111,7 %
5	Dây chuyền Siro	337.177	517.668	65,1 %
6	Dây chuyền Nang mềm	361.890	221.070	163,7 %
7	Dây chuyền Bột tiêm	122.950	180.300	68,2 %
8	Dây chuyền Kem Mỡ	1.344.785	1.142.153	117,7 %
9	Dây chuyền Cao xoa	13.469	29.814	45,2 %

3. Thời gian lao động của CBCNV:

Trong năm 2022, các xưởng Viên NonBetalactam, Viên Betalactam, Viên Cephalosporin, Viên penicilin đủ việc làm

Các xưởng thuốc Tiêm nước và Bột Tiêm đôi khi thiếu việc phải đi giúp các phân xưởng, bộ phận khác.

Công tác chất lượng, kỹ thuật được quan tâm, 100% sản phẩm xuất xưởng đạt yêu cầu chất lượng. Hầu hết các sản phẩm đều đạt hoặc vượt định mức kinh tế kỹ thuật.

4. Lãi (lỗ) của Công ty trong năm 2022

Lỗ: 23,7 tỷ đồng

Mặc dù doanh thu năm nay tăng hơn năm trước 4,6% nhưng do doanh thu chưa đạt tới điểm doanh thu hòa vốn (khoảng 17 tỷ đồng/ tháng) do đó lợi nhuận của công ty vẫn âm (-). Lợi nhuận (-) là do hai chỉ tiêu sau:

- Khấu hao năm 2022 là 20,5 tỷ, năm 2021 là 20,4 tỷ.
- Lãi vay năm 2021 là 10,8 tỷ đồng, lãi vay năm 2022 là 13,9 tỷ

Như vậy, năm 2022 trong sản xuất kinh doanh là không lỗ

- Chi phí lãi đầu tư nhà máy: 12,3 tỷ đồng
- Chi phí lãi vay sản xuất kinh doanh: 1,6 tỷ đồng

Hiện tại nguồn vốn lưu động của công ty chủ yếu từ:

- Tiền thu được từ doanh thu bán hàng
- Huy động tiết kiệm của CBCNV

Nhà máy vẫn đang trong giai đoạn phát triển sản phẩm và đổi mới cơ cấu sản phẩm, chi phí nghiên cứu cao, chưa có nguồn vốn cho đầu tư phát triển thị trường cả về

hệ thống phân phối và sản phẩm chủ lực. Hiện tại chi phí cho đăng ký sản phẩm cần đầu tư lớn phải dựa vào khách hàng hợp tác kinh doanh, như thế sẽ phải chia sẻ lợi nhuận, dù tận dụng được năng lực phân phối của khách hàng (mạng phân phối, tài chính, chất xám) và tận dụng được công suất của nhà máy.

Đã được cấp 12 SDK trong năm 2022, triển khai sản xuất 04 sản phẩm mới. Công tác phối hợp giữa NCPT và phân xưởng nhằm triển khai sản phẩm và xử lý sự cố trong sản xuất được chú trọng, phần lớn các sự cố trong sản xuất được xử lý kịp thời.

Công tác kiểm tra chất lượng đã hoàn thành nhiệm vụ được giao, chất lượng và thời gian cơ bản đạt yêu cầu đề ra của công ty.

Công tác Đảm bảo chất lượng đã rất cố gắng, nhưng chưa đạt được mong muốn của công ty cũng như chưa đạt yêu cầu theo ý kiến của quản lý nhà nước, vẫn cần được tăng cường đào tạo bên ngoài.

Công tác cơ điện đã đáp ứng được các nhu cầu phục vụ sản xuất, công tác xây dựng cơ bản cần lên các kế hoạch cụ thể và tiến hành thực hiện nhằm đảm bảo duy tu bảo dưỡng nhà xưởng theo kịp yêu cầu của quản lý ngành.

Công tác kế hoạch cơ bản đạt yêu cầu tuy còn cần làm tốt hơn nữa. Quản lý kho hàng vẫn chưa đánh giá được hiệu quả tồn kho dù đã có tiến bộ, với hàng chậm luân chuyển, hàng gần hết hạn cả thành phẩm và nguyên phụ liệu chưa xây dựng và thực hiện được hệ thống cảnh báo hiệu quả.

Công tác cung ứng dù gặp nhiều khó khăn khách quan nhưng cũng có yếu tố chủ quan công tác vẫn này cần đổi mới để đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công ty. Cung ứng chưa đồng bộ, thông tin thị trường chưa nhanh, tham mưu về xu thế giá nguyên phụ liệu chưa kịp thời, công tác phục vụ NCPT triển khai chậm, chưa đánh giá nhà cung cấp một cách đầy đủ, chưa thường xuyên tự đánh giá công tác của phòng.

Công tác tài chính có nhiều khó khăn về nguồn vốn, nguồn vốn hiện tại không đáp ứng được nhu cầu vốn lưu động và vốn cố định, vốn lưu động không có hạn mức vay ngân hàng do không có tài sản thế chấp, vốn cố định - tiền trả gốc và lãi vay Ngân hàng phát triển (VDB) không đủ. Phòng Tài chính kế toán đã có nhiều cố gắng đảm bảo nguồn vốn để công ty hoạt động nhưng cũng không tránh khỏi nhiều lúc bất lực, dẫn tới có thời điểm không có tiền mua nguyên vật liệu nên nhiều lúc không đáp ứng được hàng cho kinh doanh cả số lượng và thời gian.

Công tác tổ chức, hành chính cơ bản đạt yêu cầu về vấn đề công tác nhân sự, lao động tiền lương, bảo hiểm xã hội, về việc duy trì nội quy kỷ luật, vệ sinh lao động, khảo sát xây dựng năng suất lao động, khoán định mức lao động còn chậm, việc triển khai và kiểm tra giám sát còn hạn chế, công tác phòng chống, ngăn ngừa dịch bệnh covid-19 được triển khai và hoạt động hiệu quả tại công ty.

Công ty tập trung nâng cao chất lượng nhân sự, xây dựng chính sách nhằm thu hút lao động, có kế hoạch và thực hiện tăng cường đào tạo tại chỗ và đào tạo bên ngoài.

Về công tác tổ chức, nhân sự:

- + Lao động bình quân cả năm: 176 người;
- + Năm 2022 chúng ta đã tuyển dụng 08 lao động gồm cán bộ đại học và trên đại học 07, cán bộ trung học, cao đẳng 01.
- + Đề bạt 01 lượt cán bộ cấp phòng, phân xưởng, tổ.
- + Giải quyết chế độ nghỉ hưu cho 01 lao động và chấm dứt HĐLĐ cho 08 lao động.
- + Lao động cuối kỳ ngày 31/12/2022 là 175 người: trong đó Đại học và trên Đại học 65 (người), Trung cấp và cao đẳng 86 (người), Công nhân 14 (người), lao động phổ thông 10 lao động.

Thu nhập bình quân của người lao động 8,1 triệu đồng/người/tháng; thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

Công tác đầu tư:

Dự án nhà máy mới tại Quang Minh:

Đã quyết toán xong dự án Nhà máy Quang Minh.

Dự án liên doanh khai thác lợi thế sử dụng đất tại 9 Trần Thánh Tông:

Tiếp tục thực hiện dự án với đối tác đã ký kết trước đây, tận dụng mọi lợi thế, khai thác tối đa quan hệ tạo thuận lợi cho hoạt động của Công ty.

Do Bộ quốc phòng xin Thủ tướng Chính Phủ khu đất số 9 Trần Thánh Tông để mở rộng nhà tang lễ, nên dự án bị chậm tiến độ, dẫn tới Công ty cũng chưa trả được mặt bằng cho Liên doanh. Phía đối tác đang tích cực làm việc các cơ quan chức năng nhằm giữ lại lợi thế cho Liên doanh.

Dự án liên doanh khai thác lợi thế sử dụng đất tại 43 Vĩnh tuy:

Hiện tại, Công ty đã tìm kiếm đối tác nhằm hợp tác xây dựng trụ sở và kho hàng phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, hoặc tiếp tục thực hiện Dự án khi có phương án mang lại lợi ích tối đa cho Công ty và tạm thời bàn giao cho đối tác quản lý và giữ đất.

Về công tác an toàn lao động:

Công ty luôn chú trọng đến công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, luôn luôn có 01 cán bộ được cử ra theo dõi về an toàn lao động, các qui định của Nhà Nước về việc này luôn thực hiện đúng hạn.

Về công tác đoàn thể:

Công tác đoàn thể được chú trọng, công ty thực hiện tốt công tác đoàn thể như công tác Đảng, công tác công đoàn, công tác đoàn thanh niên.

III/ Phương hướng nhiệm vụ năm 2023:

Nhận định về tình hình năm 2023, các chuyên gia cho biết trên bình diện quốc tế, thế giới đang trong thời kỳ nhiều biến động và thay đổi về kinh tế, địa chính trị. Lạm phát tăng lên mức cao dẫn đến xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ tại nhiều

quốc gia. Kinh tế toàn cầu có xu hướng tăng trưởng chậm lại, một số quốc gia đã bắt đầu có dấu hiệu rơi vào suy thoái kinh tế.

Trong nước, Tổng cục Thống kê dự báo năm 2023, kinh tế-xã hội phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn nên chịu tác động đan xen nhiều mặt. Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ tăng lạm phát là rất lớn, như biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, đà phục hồi tiêu dùng trong nước, tạo áp lực lạm phát, chi phí sản xuất tăng cao, rủi ro về chuỗi cung ứng cùng với việc thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ do nhà nước quản lý, thiên tai, dịch bệnh, bão lũ, biến đổi khí hậu...

Theo SSI Research, trong năm 2023, tăng trưởng của ngành Dược sẽ hạn chế, lợi nhuận có thể ghi nhận mức thấp hơn trước khi khá dần lên. "Chúng tôi kỳ vọng doanh thu ngành sẽ tăng 8%, đạt 169 nghìn tỷ đồng (7,2 tỷ USD) vào năm 2023. Bối cảnh sau đại dịch sẽ ổn định ở hầu hết các khía cạnh, nhưng suy thoái kinh tế có thể làm đình trệ chỉ tiêu cho chăm sóc sức khỏe", chuyên gia của SSI Research, nhận định. Theo các chuyên gia của SSI Research, nửa đầu năm 2023 sẽ là khoảng thời gian khó lường đối với nguồn cung hoạt chất (API) và tá dược.

"Khoảng 65% API được sử dụng trong việc sản xuất thuốc tại Việt Nam là từ Trung Quốc – quốc gia đã mở cửa trở lại; nhưng chúng tôi lo ngại tình trạng thiếu hụt vẫn có thể xảy ra. Thêm vào đó, cuộc chiến giữa Nga-Ukraine vẫn đang diễn ra, các hoạt chất và thuốc nhập khẩu từ Châu Âu có nguy cơ bị thiếu hụt.

Các công ty có thể sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước sẽ giành được vị thế tốt hơn (điển hình là TRA)", chuyên gia của SSI Research, nêu.

Ngoài ra, cuộc đua về nâng cấp chất lượng đang diễn ra tại các công ty dược phẩm lớn. Nhiều công ty như DHG, IMP, DBD, TRA và Dược Cửu Long (DCL) đang đặt mục tiêu đạt tiêu chuẩn EU GMP cho các cơ sở sản xuất của họ. Các sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn EU GMP sẽ được xét vào nhóm thuốc chất lượng cao nhất trong đấu thầu ở bệnh viện công (nhóm 1).

Các công ty trong nước hy vọng sẽ đấu thầu được sản phẩm với giá cao hơn trước nhưng vẫn thấp hơn nhiều loại thuốc nhập khẩu thuộc nhóm này. "Theo ước tính của chúng tôi, chỉ có 6% thuốc trong nhóm 1 được sản xuất trong nước, phần còn lại chủ yếu là thuốc nhập khẩu. Ngoài ra, việc nâng cấp EU GMP sẽ giúp nâng cao chất lượng sản phẩm và nâng cao khả năng cạnh tranh", chuyên gia của SSI Research, nhận định. Tuy nhiên, nhóm chuyên gia cũng lưu ý, hiện chỉ có 8 công ty sở hữu dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU GMP hoặc tương đương tại Việt Nam. Vì vậy, với chi phí đầu tư ban đầu và chi phí duy trì cao, các yêu cầu khắt khe và thời gian phê duyệt kéo dài, các công ty sẽ phải cân nhắc việc theo đuổi cuộc đua này hoặc đầu tư vào các mảng khác để có thể mang lại lợi nhuận tốt hơn.

Khảo sát của Vietnam Report chỉ ra Top 3 chiến lược mà doanh nghiệp dược dự kiến sẽ tập trung trong giai đoạn bình thường tiếp theo bao gồm:

(1) Nghiên cứu các sản phẩm thuốc mới, phát triển các sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên;

(2) Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao;

(3) Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Nhận thức được thời cơ và thách thức trong năm 2023, Công ty đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế, cụ thể như sau:

Doanh thu: 200 tỷ, Lợi nhuận không âm.

Giải pháp đồng bộ nhằm thực hiện kế hoạch năm 2023

- Đảm bảo cung ứng đủ, đúng hạn các sản phẩm hợp tác sản xuất kinh doanh, thống nhất kế hoạch và giám sát thực hiện kế hoạch để đảm bảo doanh số từ kênh này.

- Tăng cường doanh số đầu thầu trực tiếp. Đảm bảo đúng, đủ sản phẩm cho kênh bán hàng qua quầy bán buôn, bán lẻ, và các đối tác bán buôn.

- Kiểm soát các khoản doanh thu, chi phí của công ty một cách hợp lý, hợp lệ, đúng quy định của Luật Kế toán và Luật Thuế, tiết kiệm chi phí. Thực hiện Kiểm toán BCTC: bán niên độ và kết thúc niên độ. Thu hồi công nợ bán hàng đúng thời hạn đã ký hợp đồng, không để phát sinh công nợ phải thu quá hạn. Phát huy tối đa nguồn huy động vốn từ CBCNV để bổ sung nguồn vốn lưu động. Sắp xếp nguồn tài chính hợp lý, đủ nguồn vốn trả cho khách hàng để có thể mua được nguyên phụ liệu đồng bộ với kế hoạch sản xuất.

- Đề nghị HĐQT có giải pháp về nguồn vốn lưu động để thực hiện các mục tiêu trên (hiện tại công ty đang phải huy động vốn lưu động với chi phí cao hơn thị trường mà vẫn rất khó huy động vì đây là tín chấp).

- Tăng cường phát triển sản phẩm, tìm kiếm và xác định sản phẩm chiến lược cho công ty, tăng mạnh đầu tư vào NCPT, đổi mới cơ cấu sản phẩm của công ty kể cả tự triển khai và hợp tác, tập chung các sản phẩm có lợi nhuận và doanh số cao. Phấn đấu nộp 18 bộ hồ sơ đăng ký mới, gia hạn 30 bộ HSĐK gia hạn và đăng ký lại, hoàn thiện qui trình 11 sản phẩm đủ điều kiện thử TĐSH gửi mẫu đi thử trên người, rà soát và đổi mới việc xây dựng và triển khai sản phẩm mới.

- Thẩm định lại 5 dây chuyền đạt GMP-WHO, giám sát hoạt động chất lượng tại các dây chuyền và kho, xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật, biên soạn, bổ sung, chỉnh sửa ban hành hồ sơ lô và quy trình thao tác chuẩn, thanh tra nội bộ định kỳ, đào tạo định kỳ và nâng cao về GMP, lập kế hoạch, chuẩn bị danh mục và tổ chức hủy thuốc theo quy định, rà soát lại công tác đảm bảo chất lượng, lên kế hoạch và thực hiện, và giám sát thực hiện theo qui định GMP một cách chuyên nghiệp. Thẩm định lại GSP nhà máy.

- Kế hoạch xây dựng phương án khai thác, nhập khẩu: nguyên phụ liệu, bao bì, vật tư kịp thời chủ động trong kế hoạch sản xuất, đáp ứng đủ các thiết bị mua mới, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao, bảo trì bảo dưỡng... của các bộ phận khi có phê duyệt của Ban Tổng Giám Đốc, đánh giá nhà cung cấp đầy đủ theo qui định GMP, đảm bảo vật tư ổn

định về chất lượng và giá phục vụ sản xuất với nguyên tắc cung cấp đúng, đủ, kịp thời, đồng bộ, chống độc quyền, xây dựng kế hoạch quản trị hàng tồn kho, tăng cường quản lý kho hàng, giảm chi phí năng lượng đối với công tác kho.

- Phân xưởng sản xuất thực hiện: tăng lương và tăng năng suất lao động, giảm tỷ lệ sự cố, sai hỏng, nhầm lẫn, đào tạo bổ sung lao động vận hành máy, đào tạo và đào tạo lại định kỳ cho người lao động.

- Kiểm tra chất lượng: Duy trì thực hiện nghiêm túc phòng thí nghiệm theo GLP, sử dụng hóa chất, dung môi tiết kiệm, hiệu quả và an toàn với sức khỏe, đảm bảo tất cả các mẫu được tiến hành kiểm tra ra kết quả đáng tin cậy, kịp thời phục vụ sản xuất, bắt đầu tiến hành thiết lập chất chuẩn theo đúng protocol chất chuẩn.

- Tổ chức lao động tham mưu và triển khai tăng lương và tăng năng suất lao động, đảm bảo công tác ATVSLĐ, môi trường, PCCC, kiểm định an toàn thiết bị, đảm bảo các công tác hành chính của Công ty như Đại hội đồng cổ đông, hội họp, liên hoan..., tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

- Cơ điện đảm bảo các vấn đề về năng lượng phục vụ sản xuất, xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch bảo trì bảo dưỡng thiết bị, hệ thống phụ trợ đúng thời hạn, khắc phục sự cố đột xuất trong thời gian nhanh nhất để đảm bảo tiến độ sản xuất.

- Phối hợp HĐQT thực hiện công tác giải quyết công nợ hợp lý: VDB, Tổng công ty Dược VN, Công ty Nam Đức, Công ty Nhật Minh, Công ty Vân Sơn...

Kết luận:

Năm 2023 là năm còn nhiều khó khăn.

Chúng ta cùng nhau quyết tâm vượt qua thử thách, toàn thể người lao động trong công ty đoàn kết, cùng cố gắng nâng cao năng xuất, chất lượng, nhất định chúng ta sẽ thực hiện được kế hoạch đã đề ra.

Xin Trân trọng cảm ơn!

TM/BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM
TRUNG ƯƠNG
ĐS: Lê Tiến Dũng



Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**Trình đại hội cổ đông thường niên năm 2023**

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát;
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2022 đã được Công Ty TNHH Kiểm toán & định giá Việt Nam (VAE) thực hiện kiểm toán;

Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin báo cáo với Đại hội về tình hình hoạt động của BKS Công ty năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023 như sau:

I. Về nhân sự:

Ban kiểm soát của Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2 sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 gồm 03 thành viên:

1. Ông Lương Tấn Hoàn – Trưởng ban
2. Bà Trần Thị Thu Thủy – Thành viên
3. Bà Dương Thị Ngọc – Thành viên

II. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022:

Tham gia các cuộc họp của HĐQT và đưa ra các ý kiến trong phạm vi, quyền hạn của mình.

- Ban kiểm soát đã thực hiện việc giám sát các hoạt động và việc tuân thủ theo các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị ban Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- Kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Thẩm định, Xem xét các báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính đã được kiểm toán, sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu báo cáo tài chính năm 2022.

III. Kết quả hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát trong năm 2022:**1. Các vấn đề giám sát chính:**

- Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Kiểm toán & định giá Việt Nam (VAE) đã phản ánh trung thực và



hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

- Ban kiểm soát có ý kiến với HĐQT, Tổng giám đốc trong năm 2023 tổ chức giải quyết các vấn đề tồn đọng mà theo đó đơn vị kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến trong Báo cáo kiểm toán các năm 2019, 2020, 2021, 2022.

- Về công tác Tài chính và Hạch toán - kế toán, Công ty đã mở đầy đủ hệ thống sổ sách kế toán theo qui định của Luật Kế toán để theo dõi các hoạt động sản xuất kinh doanh. Thực hiện các nghĩa vụ nộp ngân sách, BHXH, BHYT, BH Thất nghiệp, hoạt động Công đoàn.

- Về công tác tổ chức, nhân sự:

- + Lao động bình quân cả năm: 176 người;

- + Năm 2022 chúng ta đã tuyển dụng 08 lao động gồm cán bộ đại học và trên đại học 07, cán bộ trung học, cao đẳng 01.

- + Đề bạt 01 lượt cán bộ cấp phòng, phân xưởng, tổ.

- + Giải quyết chế độ nghỉ hưu và chấm dứt HĐLĐ cho 08 lao động và 01 lao động nghỉ hưu.

- + Lao động cuối kỳ ngày 31/12/2022 là 175 người: trong đó Đại học và trên Đại học 65 (người), Trung cấp và cao đẳng 86 (người), Công nhân 14 (người), lao động phổ thông 10 lao động.

- Về công tác quản trị tài chính: Đối với khoản nợ vay đầu tư xây dựng nhà máy GMP-WHO khu công nghiệp Quang Minh tại Ngân hàng phát triển Việt Nam, Công ty đang đàm phán để chuyển nợ sang một ngân hàng Thương mại và có kế hoạch trả nợ gốc và lãi trong các năm tới.

- + Các khoản nợ Tổng công ty được Việt Nam – Công ty CP, Công ty Nam Đức Công ty đã thực hiện việc trả nợ theo kế hoạch cam kết giữa các bên.

Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và ban Tổng giám đốc:

Trong năm 2022 BKS không nhận thấy dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động của Công ty đều tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát các hoạt động điều hành của Tổng giám đốc đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hiệu quả và an toàn.

- Tổng giám đốc đã quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2022. Ban kiểm soát chưa ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý, điều hành Công ty.

2. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD

Khoản mục	Thực hiện 2022	So với Kế hoạch năm 2022		TH năm 2022 so với thực hiện năm 2021	
		Kế hoạch 2022	Thực hiện (%)	Thực hiện 2021	Tăng/Giảm (%)
1. Doanh thu thuần	188.203.291.783	190.000.000.000	99,5%	179.998.822.069	4,6%
2. Giá vốn hàng bán	180.904.669.244			172.106.734.386	5,1%
3. Lãi gộp	7.298.622.539			7.892.087.683	-7,5%
4. Tỷ lệ lãi gộp	3,9%			4,4%	-11,4%
5. Tổng chi phí	31.900.176.237			26.573.908.997	20%
5.1. Chi phí bán hàng	3.805.891.686			2.949.183.639	29%
5.2. Chi phí quản lý	13.229.879.347			11.527.665.284	14,8%
5.3. Chi phí tài chính	14.864.405.204			12.097.060.074	22,9%
6. Lợi nhuận trước thuế	-23.705.249.501	0		-17.928.501.721	-32,5%
7. Lợi nhuận sau thuế	-23.705.249.501			-17.928.501.721	-32,5%

- Trong năm 2022, BKS thường xuyên nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ HĐQT, TGD và được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình, thông qua việc được cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến tình hình quản trị Công ty, các hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính của Công ty.

- Về việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông : Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Ban lãnh đạo Công ty đã tiến hành chỉ đạo tổ chức sản xuất kinh doanh với các kết quả như sau:

- Theo báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam

Qua công tác kiểm tra, giám sát Ban Kiểm soát nhận thấy hoạt động quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và bộ máy điều hành Công ty trong năm 2022 đã đạt kế hoạch về doanh thu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đề ra nhưng chưa đạt được kế hoạch về lợi nhuận.

IV. Phương hướng nhiệm vụ năm 2023:

Sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 Ban kiểm soát sẽ lập kế hoạch hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát cũng như những quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty để:

- Thực hiện công tác thẩm định các Báo cáo tài chính quý, bán niên, báo cáo tình hình SXKD của Công ty.
- Giám sát hoạt động quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và bộ máy điều hành Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2023.
- Thực hiện các chức năng giám sát theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của BKS theo qui định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

V. Kết luận:

Nhà máy GMP-WHO tại khu công nghiệp Quang Minh đã xây dựng hoàn thành và đưa vào sản xuất được gần 10 năm, Công ty cũng đã thực hiện xong việc Quyết toán dự án đầu tư xây dựng nhà máy Quang Minh, tuy nhiên có nhiều khó khăn về nguồn vốn, nguồn vốn hiện tại không đáp ứng được nhu cầu vốn lưu động và vốn cố định, vốn lưu động không có hạn mức vay ngân hàng do không có tài sản thế chấp, vốn cố định - tiền trả gốc và lãi vay Ngân hàng phát triển (VDB) không đủ vẫn chưa đảm bảo theo kế hoạch do vậy tình trạng sản xuất của nhà máy vẫn ở trạng thái cầm chừng, hoàn thành các kế hoạch mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đề ra về doanh số nhưng chưa hoàn thành về chỉ tiêu lợi nhuận.

Trên đây là báo cáo về hoạt động của BKS trong năm 2022. Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM/BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban



Lương Tấn Hoàn

C. P. I. O. N. L.

TP. Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2023



TỜ TRÌNH

V/v: chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dược phẩm trung ương 2;

Ban Kiểm soát Công ty kính trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2023 của Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương 2 là Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)

Kính đề nghị Đại hội cho ý kiến biểu quyết thông qua ./.

Trân trọng cảm ơn đại hội!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Cty

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Lương Tấn Hoàn

TP. Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án chi trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dược phẩm trung ương 2;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua phương án không chi trả cổ tức năm 2022 và không trích lập các quỹ năm 2022.

Kính đề nghị đại hội cho ý kiến biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TCHC, HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Đức

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
TRUNG ƯƠNG 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
-----o0o-----**

TP. Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: báo cáo chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dược phẩm trung ương 2;

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được tổ chức vào ngày 07 tháng 6 năm 2022.

Hội đồng quản trị xin báo cáo chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát năm 2022 như sau:

* Tổng chi phí: 72.800.000 VNĐ (Bảy mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng chẵn).

- Hội đồng quản trị: 44.000.000 VNĐ (Bốn mươi bốn triệu đồng chẵn).

- Ban kiểm soát: 28.800.000 VNĐ (Hai tám triệu tám trăm nghìn đồng chẵn).

Kính đề nghị Đại hội cho ý kiến biểu quyết thông qua ./.

Trân trọng cảm ơn Đại hội!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Cty

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
TRUNG ƯƠNG 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do Hạnh phúc

TP. Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dược phẩm trung ương 2;

Hội đồng quản trị Công ty xin thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2023 (Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2023 đến 31/12/2023) của Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 2.

* Mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2023:

- Thù lao của HĐQT:

+ Chủ tịch HĐQT: 0 VNĐ/1 tháng.

+ Thành viên HĐQT: 1.000.000 VNĐ/1 tháng.

- Thù lao của BKS:

+ Trưởng ban: 1.000.000 VNĐ/1 tháng.

+ Thành viên: 700.000 VNĐ/1 tháng.

Kính đề nghị Đại hội cho ý kiến biểu quyết thông qua ./.

Trân trọng cảm ơn đại hội!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Cty

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2

Địa chỉ: Số 9 Phố Trần Thánh Tông, P. Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương 2 (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Dũng	Phó chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng	Phó chủ tịch (Thôi chức vụ từ ngày 07/06/2022)
Ông Cao Quang Hưng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 07/06/2022)
Ông Cao Tiến Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Lê Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Phan Trí Dũng	Phó Tổng giám đốc
Ông Cao Tiến Dũng	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2



Lê Tiến Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2023

Số: 2303.01 -23/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy Dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP - WHO" đã hoàn thành đi vào hoạt động từ năm 2014 nhưng một phần chi phí còn lại của dự án với giá trị 8.901.011.623 đồng vẫn được Công ty theo dõi ở khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Đến năm 2022, Công ty mới thực hiện quyết toán và ghi nhận tăng giá trị tài sản 8.901.011.623 đồng. Việc ghi nhận tăng nguyên giá sai thời điểm sẽ làm ảnh hưởng đến tính trình bày các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

Công ty đã ghi tăng khoản thu nhập khác từ khoản tiền nhận hỗ trợ theo Biên bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Đầu tư phát triển Bình An của Công ty cho Công ty CP Đầu tư tài chính Đất Việt để xác định kết quả kinh doanh trong các năm từ năm 2010 đến năm 2016 với giá trị là 99.600.000.000 đồng. Đến ngày 31/12/2022 chúng tôi vẫn chưa được Công ty cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc hoàn thành thủ tục về chuyển nhượng cổ phần nêu trên. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Chúng tôi chưa được cung cấp Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty CP Đầu tư phát triển Bình An để làm cơ sở xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư (nếu có). Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến nào về Báo cáo tài chính đính kèm.



Nguyễn Thị Hồng Vân

Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Phạm Thị Thu Hà

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5382-2020-034-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		131.392.550.838	111.731.769.354
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.756.920.669	765.256.179
1. Tiền	111	V.1.	3.756.920.669	765.256.179
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.215.483.215	67.668.635.969
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	14.879.761.217	15.606.236.965
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	824.473.680	1.029.715.982
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	54.797.494.981	55.318.929.685
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6.	(4.286.246.663)	(4.286.246.663)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	55.090.984.870	38.103.282.357
1. Hàng tồn kho	141		55.090.984.870	38.103.282.357
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.329.162.084	5.194.594.849
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.	2.897.201.321	1.882.092.637
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.362.950.638	3.243.492.087
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15.	69.010.125	69.010.125
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		355.508.767.651	376.086.654.681
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		72.240.000.000	72.240.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	72.240.000.000	72.240.000.000
II. Tài sản cố định	220		172.875.681.624	185.351.486.207
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	172.875.681.624	185.351.486.207
- Nguyên giá	222		286.035.008.109	277.975.229.989
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(113.159.326.485)	(92.623.743.782)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	-	-
- Nguyên giá	228		810.751.750	810.751.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(810.751.750)	(810.751.750)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.911.841.105	10.812.852.728
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10.	1.911.841.105	10.812.852.728
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		93.960.000.000	93.960.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.	93.960.000.000	93.960.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.521.244.922	13.722.315.746
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	14.521.244.922	13.722.315.746
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		486.901.318.489	487.818.424.035

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2022	01/01/2022
C NỢ PHẢI TRẢ	300		376.325.018.164	353.491.874.209
I. Nợ ngắn hạn	310		243.649.439.852	206.816.295.897
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	36.807.100.264	31.947.973.265
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	17.238.608.258	12.306.791.992
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.	54.007.658.324	54.058.292.176
4. Phải trả người lao động	314		2.448.622.227	2.383.865.890
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	24.530.522.110	14.719.046.488
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	39.501.474.895	35.807.672.312
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14.	68.830.400.000	55.307.600.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		285.053.774	285.053.774
II. Nợ dài hạn	330		132.675.578.312	146.675.578.312
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17.	93.960.000.000	93.960.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14.	38.715.578.312	52.715.578.312
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		110.576.300.325	134.326.549.826
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	110.401.010.325	134.151.259.826
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.902.500.000	4.902.500.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.267.017.189	3.267.017.189
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		249.948.734	249.948.734
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(98.018.455.598)	(74.268.206.097)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(74.268.206.097)	(56.339.704.376)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(23.750.249.501)	(17.928.501.721)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		175.290.000	175.290.000
1. Nguồn kinh phí	431		175.290.000	175.290.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		486.901.318.489	487.818.424.035

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đinh Thị Minh Hương

Nguyễn Thị Diệu Thúy

Lê Tiến Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	189.016.689.408	180.098.000.798
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	813.397.625	99.178.729
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (01-02)	10		188.203.291.783	179.998.822.069
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	180.904.669.244	172.106.734.386
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.298.622.539	7.892.087.683
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	3.551.569.173	189.737.295
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	14.864.405.204	12.097.060.074
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.907.727.180	12.049.991.039
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.	3.805.891.686	2.949.183.639
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	13.229.879.347	11.527.665.284
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(21.049.984.525)	(18.492.084.019)
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	2.408.172.343	1.337.050.270
12. Chi phí khác	32	VI.7.	5.108.437.319	773.467.972
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(2.700.264.976)	563.582.298
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(23.750.249.501)	(17.928.501.721)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(23.750.249.501)	(17.928.501.721)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11.	(1.187,51)	(896,43)

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đinh Thị Minh Hương

Nguyễn Thị Diệu Thúy

Lê Tiến Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		191.865.332.883	175.621.761.103
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(158.284.504.610)	(149.720.987.275)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.219.571.670)	(17.899.633.819)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(3.182.442.983)	(2.222.579.605)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.801.491.746	10.733.907.786
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11.332.316.327)	(12.377.497.395)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.647.989.039	4.134.970.795
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.948.947	4.174.380
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.948.947	4.174.380
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		780.000.000	7.690.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.257.200.000)	(10.529.270.950)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(187.073.496)	(940.853.668)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(664.273.496)	(3.780.124.618)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2.991.664.490	359.020.557
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		765.256.179	406.888.651
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(653.029)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	3.756.920.669	765.256.179

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2

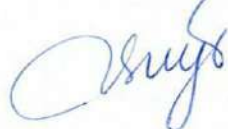
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đinh Thị Minh Hương



Nguyễn Thị Diệu Thúy



Lê Tiến Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2 (gọi tắt là "Công ty") là đơn vị kinh tế độc lập, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0100109113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 03/03/2005. Công ty có 15 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 số 0100109113 ngày 16/11/2020, thì Vốn Điều lệ của Công ty là **200.000.000.000 đồng** (Hai trăm tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại./.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình; Kinh doanh: nguyên liệu làm thuốc, dược liệu hóa chất, tinh dầu, thuốc tân dược, thuốc Y học cổ truyền, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế; Kinh doanh: máy móc thiết bị y tế; máy móc, thiết bị, bao bì phục vụ sản xuất thuốc tân dược, thuốc Y học cổ truyền, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực dược);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà cửa, văn phòng, kho tàng, bến bãi);

Trụ sở Công ty: Số 9, Phố Trần Thánh Tông, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

6. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2022 là 175 người (tại ngày 31/12/2021: 177 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An, phản ánh đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty chưa xem xét việc trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty chưa xem xét trích lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản khác	03 - 10

7.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Khi thanh lý TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư Xây dựng dự án "Dây chuyền Cao xoa" và các công trình khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong một số các bên tham gia.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là quyền sử dụng đất có thời hạn, chi phí thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp, chi phí sửa chữa nhà xưởng, giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các chi phí khác... được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước.

Quyền sử dụng đất có thời hạn, chi phí thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí thử tương sinh học, chi phí sửa chữa nhà xưởng chờ phân bổ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm 31/12/2022.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí phải trả cho nhà thầu thi công và các khoản trích trước khác là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá, doanh thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức lợi nhuận được chia và lãi tiền gửi ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, lãi trả chậm và chênh lệch tỷ giá.

17. Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Tiền mặt</i>	1.250.138.873	347.603.651
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	2.506.781.796	417.652.528
Tiền gửi VND	2.462.269.142	373.925.714
Tiền gửi USD	44.512.654	43.726.814
Cộng	3.756.920.669	765.256.179

2. Các khoản đầu tư tài chính*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Dài hạn</i>				
Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An (i)	93.960.000.000	-	93.960.000.000	-
Cộng	93.960.000.000	-	93.960.000.000	-

(i) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/HTĐT ngày 28/12/2007 giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 với Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Đất Việt để thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An. Do Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An nên không có cơ sở xem xét trích lập dự phòng. Khoản đầu tư trên không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch và không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý. Trong năm, Công ty không có phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương CPC1	1.955.117.278	-	-	-
Nhà thuốc tư nhân Vinh Quang	1.856.872.843	-	2.254.691.433	-
Công ty Cổ phần Thương mại dược phẩm Tâm Phát	2.260.617.408	-	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hướng Việt	1.821.066.097	-	1.780.934.923	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty TNHH Dược phẩm Sapphire	1.198.414.352		1.348.414.352	
Các đối tượng khác	5.787.673.239	(159.071.765)	10.222.196.257	(159.071.765)
Cộng	14.879.761.217	(159.071.765)	15.606.236.965	(159.071.765)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương	114.050.000	199.250.000
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	35.000.000	138.160.000
Công ty CP tư vấn thiết kế và dịch vụ đầu tư	-	300.000.000
Các đối tượng khác	675.423.680	392.305.982
Cộng	824.473.680	1.029.715.982

5. Phải thu khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	54.797.494.981	(4.127.174.898)	55.318.929.685	(4.127.174.898)
Tạm ứng	203.287.426	-	645.787.426	-
Văn Thị Thanh Hằng	46.700.000	-	476.700.000	-
Các đối tượng khác	156.587.426	-	169.087.426	-
Ký cược, ký quỹ	102.354.037	-	117.146.807	-
Bảo hiểm xã hội	351.233.033	-	446.920.576	-
Phải thu khác	54.140.620.485	(4.127.174.898)	54.109.074.876	(4.127.174.898)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bình An (i)	48.952.457.207	-	48.952.457.207	-
Trần Bảo Cương	2.345.000.000	(2.265.000.000)	2.345.000.000	(2.265.000.000)
Các đối tượng khác	2.843.163.278	(1.862.174.898)	2.811.617.669	(1.862.174.898)
b) Dài hạn	72.240.000.000	-	72.240.000.000	-
Phải thu khác	72.240.000.000	-	72.240.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Nhật Minh (ii)	72.240.000.000	-	72.240.000.000	-
Cộng	127.037.494.981	(4.127.174.898)	127.558.929.685	(4.127.174.898)

(i) Là khoản phải thu tiền thuê đất của Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An tại số 9 Trần Thánh Tông, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội từ tháng 10/2012 đến 31/12/2015 theo Biên bản bàn giao mặt bằng số 521 ngày 01/10/2012 và phụ lục 1 số 525 ngày 03/10/2012.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(ii) Là khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/2017NM-DTW2-VH ngày 10/5/2017, Phụ lục hợp đồng số 101/2018/NM-DPTW2-VH ngày 06/9/2018 để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở thấp tầng Đại Mỗ tại Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội và Dự án Trung tâm văn phòng cho thuê tại số 15 Thê Giao, Hai Bà Trưng, Hà Nội với tổng vốn đầu tư xây dựng hai Dự án trên là 170 tỷ đồng. Theo thỏa thuận góp vốn ngày 10/5/2017 và văn bản thay đổi thỏa thuận góp vốn lần 1 ngày 05/9/2018 giữa Công ty TNHH Phát triển Việt Hiền, Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2 và Công ty TNHH Sản xuất Nhật Minh - CN Hà Nội, Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2 chiếm 42,62% tổng vốn đầu tư, Công ty TNHH Sản xuất Nhật Minh chiếm 26,84% tổng vốn đầu tư, Công ty TNHH Phát triển Việt Hiền chiếm 30,54% tổng vốn đầu tư.

c) *Phải thu khác của các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

6. Nợ xấu

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Phải thu khác</i>				
Trần Bảo Cường	2.345.000.000	80.000.000	2.345.000.000	80.000.000
Nguyễn Chí Dũng	339.952.000	75.235.000	339.952.000	75.235.000
Các đối tượng khác	1.597.457.898	-	1.597.457.898	-
<i>Phải thu của khách hàng</i>				
Công ty TNHH Dược phẩm Đông Nam Á	81.568.705	-	81.568.705	-
Các đối tượng khác	77.503.060	-	77.503.060	-
Cộng	4.441.481.663	155.235.000	4.441.481.663	155.235.000

7. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	33.295.858.237	-	17.822.629.987	-
Công cụ, dụng cụ	49.969.509	-	69.178.806	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.116.066.116	-	11.735.360.716	-
Thành phẩm	11.629.091.008	-	8.476.112.848	-
Cộng	55.090.984.870	-	38.103.282.357	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2

Địa chỉ: Số 9 Phố Trần Thánh Tông, P. Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Cộng

Tài sản cố định

khác

Thiết bị, dụng cụ

quản lý

Phương tiện

Máy móc,

thiết bị

Nhà cửa,

vật kiến trúc

Nguyên giá

Số dư ngày 01/01/2022

Tăng khác (*)

Giảm khác (*)

Số dư ngày 31/12/2022

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư ngày 01/01/2022

Khấu hao trong năm

Số dư ngày 31/12/2022

Giá trị còn lại

Tại ngày 01/01/2022

Tại ngày 31/12/2022

(*) Ghi nhận theo Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành số 428-22/BC-ĐT/VAE ngày 22/9/2022 về dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 21.889.224.958 đồng (Tại ngày 31/12/2021 là 21.889.224.958 đồng).

- Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để bảo đảm các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 172.881.020.741 đồng (Tại ngày 31/12/2021 là 182.673.548.621 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm kế toán	Cộng
<i>Nguyên giá</i>		
Số dư ngày 01/01/2022	810.751.750	810.751.750
Mua trong năm	-	-
Số dư ngày 31/12/2022	810.751.750	810.751.750
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		
Số dư ngày 01/01/2022	810.751.750	810.751.750
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư ngày 31/12/2022	810.751.750	810.751.750
<i>Giá trị còn lại</i>		
Tại ngày 01/01/2022	-	-
Tại ngày 31/12/2022	-	-

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 810.751.750 VND (Tại ngày 31/12/2021 là 810.751.750 VND).

10. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy Dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP - WHO"	-	8.901.011.623
Dự án dây chuyền Cao Xoa	1.835.035.444	1.835.035.444
Công trình tại Vĩnh Tuy	76.805.661	76.805.661
Cộng	1.911.841.105	10.812.852.728

11. Chi phí trả trước

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn	2.897.201.321	1.882.092.637
Chi phí nghiên cứu chờ phân bổ	1.536.798.699	1.394.314.043
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.360.402.622	487.778.594
b) Dài hạn	14.521.244.922	13.722.315.746
Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	9.588.311.405	9.340.540.560
Chi phí thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	3.716.479.137	3.832.017.345
Chi phí sửa chữa nhà xưởng chờ phân bổ	420.123.376	-
Chi phí trả trước khác	796.331.004	549.757.841
Cộng	17.418.446.243	15.604.408.383

(*) Giá trị còn lại của Quyền sử dụng đất có thời hạn dùng để bảo đảm các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 9.588.311.405 đồng (Tại ngày 31/12/2021 là 9.340.540.560 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Phải trả người bán

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Hoá dược Việt Nam	2.711.105.500	2.711.105.500	2.710.788.608	2.710.788.608
Công ty Hợp tác kinh tế kỹ thuật quốc tế Vân Sơn	7.346.050.277	7.346.050.277	12.527.272.327	12.527.272.327
Công ty Cổ phần Thương mại dược phẩm Tâm Phát	1.732.500.000	1.732.500.000	-	-
MI Pharma Private Limited	3.301.944.561	3.301.944.561	2.393.827.768	2.393.827.768
Aristopharma LTD	9.947.700.000	9.947.700.000	-	-
Các đối tượng khác	11.767.799.926	11.767.799.926	14.316.084.562	14.316.084.562
Cộng	36.807.100.264	36.807.100.264	31.947.973.265	31.947.973.265

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Generic	1.501.899.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Thiết bị y tế Đông Nam á	1.501.076.269	345.917.223
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đông Âu	1.149.608.002	-
Công ty TNHH Dược và Thiết bị Xuân Anh	3.087.269.940	952.851.851
Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Dược phẩm Sinh Phúc	1.016.787.049	-
Công ty Cổ phần Y dược Thủ Đô	1.468.909.863	1.468.909.863
Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Hà Minh	-	1.219.930.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dược phẩm Hưng Việt	865.874.365	3.894.138.750
Các đối tượng khác	6.647.183.770	4.425.044.305
Cộng	17.238.608.258	12.306.791.992

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

14. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2022				Trong năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Ngắn hạn	68.830.400.000	68.830.400.000	14.780.000.000	1.257.200.000	55.307.600.000	55.307.600.000	
a1) Vay ngắn hạn	13.030.400.000	13.030.400.000	780.000.000	1.257.200.000	13.507.600.000	13.507.600.000	
Vay cá nhân (**)	13.030.400.000	13.030.400.000	780.000.000	1.257.200.000	13.507.600.000	13.507.600.000	
Vũ Thị Nhung	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	
Lê Thị Hoàn	1.280.000.000	1.280.000.000	-	410.000.000	1.690.000.000	1.690.000.000	
Nguyễn Thị Bích Thủy	1.295.400.000	1.295.400.000	-	-	1.295.400.000	1.295.400.000	
Các đối tượng khác	9.455.000.000	9.455.000.000	780.000.000	847.200.000	9.522.200.000	9.522.200.000	
a2) Vay dài hạn đến hạn trả	55.800.000.000	55.800.000.000	14.000.000.000	-	41.800.000.000	41.800.000.000	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN	55.800.000.000	55.800.000.000	14.000.000.000	-	41.800.000.000	41.800.000.000	
Sở giao dịch 1 (*)							
b) Dài hạn	38.715.578.312	38.715.578.312	-	14.000.000.000	52.715.578.312	52.715.578.312	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN	38.715.578.312	38.715.578.312	-	14.000.000.000	52.715.578.312	52.715.578.312	
Sở giao dịch 1 (*)							
Cộng	107.545.978.312	107.545.978.312	14.780.000.000	15.257.200.000	108.023.178.312	108.023.178.312	

(*) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch 1 theo Hợp đồng số 02/2007/HĐTD ngày 15/11/2007, hợp đồng sửa đổi số 09.02.2007/HĐTDSĐ - NHPT.SGDI ngày 31/3/2016 để đầu tư mua sắm thiết bị và lắp đặt phục vụ dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất được đạt tiêu chuẩn GMP-WHO". Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền trên đất của Công ty tại khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, lãi suất vay 9%/năm, thời hạn vay 18 năm.

(**) Khoản vay cán bộ nhân viên trong Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8%/năm, thời gian vay dưới 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2022
a) Phải nộp				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.431.096.464	3.431.096.464	-
Thuế nhập khẩu	-	428.077.963	428.077.963	-
Thuế thu nhập cá nhân	31.336.602	192.561.068	212.145.008	11.752.662
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	54.026.955.574	163.527.502	194.577.414	53.995.905.662
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	54.058.292.176	4.219.262.997	4.269.896.849	54.007.658.324
b) Phải thu				
Thuế TNDN	69.010.125	-	-	69.010.125
Cộng	69.010.125	-	-	69.010.125

16. Chi phí phải trả

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn		
Chi phí phải trả cho các nhà thầu	-	914.328.575
Trích trước chi phí lãi vay phải trả, lãi chậm trả	24.441.362.110	13.716.077.913
Chi phí phải trả khác	89.160.000	88.640.000
Cộng	24.530.522.110	14.719.046.488

17. Phải trả khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn	39.501.474.895	35.807.672.312
Kinh phí công đoàn	1.595.442.155	1.518.181.210
Các khoản phải trả, phải nộp khác	37.906.032.740	34.289.491.102
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	3.935.639.560	3.827.073.496
- Phải trả về lợi nhuận hợp tác kinh doanh	3.935.639.560	3.640.000.000
- Cổ tức phải trả	-	187.073.496
Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất Nhật Minh - tại Hà Nội (i)	26.410.000.000	22.910.000.000
Các đối tượng khác	7.560.393.180	7.552.417.606

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

b) Dài hạn	93.960.000.000	93.960.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	93.960.000.000	93.960.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bình An (ii)	93.960.000.000	93.960.000.000
Cộng	133.461.474.895	129.767.672.312

(i) Là khoản phải trả theo Công văn xin hỗ trợ vốn lưu động số 580/CV-DPTW2 ngày 10/12/2018 của Công ty CP Dược phẩm trung ương 2, Công văn đồng ý hỗ trợ vốn lưu động ngày 20/12/2018, khoản vay không lãi suất, không có tài sản đảm bảo, không có thời hạn.

(ii) Là khoản vay Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bình An để đầu tư lại vào chính Công ty này.

c) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2

18. Vốn góp của chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn góp của chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2021	200.000.000.000	4.902.500.000	(56.339.704.376)	148.562.795.624
Lỗ trong năm trước	-	-	(17.928.501.721)	(17.928.501.721)
Số dư tại ngày 31/12/2021	200.000.000.000	4.902.500.000	(74.268.206.097)	130.634.293.903
Lỗ trong năm nay	-	-	(23.750.249.501)	(23.750.249.501)
Số dư tại ngày 31/12/2022	200.000.000.000	4.902.500.000	(98.018.455.598)	106.884.044.402

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	13.566.500.000	12.750.000.000
Công ty CP Đầu tư tài chính Đất Việt	24.748.000.000	24.748.000.000
Công ty Cổ phần Xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ Sài Gòn	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ đông khác	11.685.500.000	12.502.000.000
Cộng	200.000.000.000	200.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

d) Cổ phiếu	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của Công ty

Khoản mục	01/01/2022	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2022
Quỹ đầu tư phát triển	3.267.017.189	-	-	3.267.017.189
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	249.948.734	-	-	249.948.734
Cộng	3.516.965.923	-	-	3.516.965.923

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2022	01/01/2022
Ngoại tệ các loại		
Tiền gửi ngân hàng USD	1.914,79	1.927,99

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	13.291.119.227	18.519.323.657
Doanh thu bán thành phẩm	175.725.570.181	161.578.677.141
Cộng	189.016.689.408	180.098.000.798

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	813.397.625	99.178.729
Cộng	813.397.625	99.178.729

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	13.378.225.252	18.380.506.568
Giá vốn bán thành phẩm	167.526.443.992	153.726.227.818
Cộng	180.904.669.244	172.106.734.386

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.948.947	4.174.380
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.543.620.226	185.562.915
Cộng	3.551.569.173	189.737.295

5. Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.801.992.656	11.711.176.934
Lãi chậm thanh toán	105.734.524	338.814.105
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	834.859.601	46.386.991
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	121.818.423	682.044
Cộng	14.864.405.204	12.097.060.074

6. Thu nhập khác

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ cho thuê kho	1.790.798.250	1.336.920.956
Thu nhập từ nợ phải trả nhưng không phải trả	614.328.575	-
Thu nhập khác	3.045.518	129.314
Cộng	2.408.172.343	1.337.050.270

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	70.539.250	48.206.360
Thanh lý nguyên vật liệu, thành phẩm hỏng	738.231.165	715.800.849
Nguyên vật liệu xuất dư hao	-	9.456.885
Lợi nhuận hợp tác kinh doanh và lãi chậm trả (*)	4.299.664.103	-
Chi phí khác	2.801	3.878
Cộng	5.108.437.319	773.467.972

(*) Khoản lợi nhuận hợp tác kinh doanh và lãi chậm trả phải trả bổ sung cho Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP theo Biên bản họp ngày 26/5/2022.

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	3.805.891.686	2.949.183.639
Chi phí nhân viên bán hàng	2.003.230.853	1.983.726.478
Chi phí vật liệu, bao bì	3.187.300	16.374.142
Chi phí khấu hao TSCĐ	36.949.176	36.949.176
Chi phí bằng tiền khác	1.762.524.357	912.133.843
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	13.229.879.347	11.527.665.284
Chi phí nhân viên quản lý	5.298.600.055	5.162.972.226
Chi phí đồ dùng văn phòng	670.561.708	75.681.373
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.113.095.498	1.154.243.436
Thuế, phí, lệ phí	287.817.684	118.272.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.034.727	45.200.000
Chi phí bằng tiền khác	5.770.769.675	4.971.296.022
Cộng	17.035.771.033	14.476.848.923

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(23.750.249.501)	(17.928.501.721)
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	4.370.203.353	48.206.360
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(19.380.046.148)	(17.880.295.361)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu	129.418.704.983	117.592.763.872
Chi phí nhân công	22.014.580.240	20.984.951.649
Chi phí khấu hao	20.453.988.531	20.303.881.514
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.908.038.755	4.777.453.411
Chi phí bằng tiền khác	7.970.377.068	7.639.611.084
Cộng	184.765.689.577	171.298.661.530

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(23.750.249.501)	(17.928.501.721)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(23.750.249.501)	(17.928.501.721)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.187,51)	(896,43)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	780.000.000	7.690.000.000
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.257.200.000	10.529.270.950

VIII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan**Bên liên quan**

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An

Mối quan hệ

Cổ đông
Đơn vị nhận vốn góp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Ông Lê Tiến Dũng
Ông Phan Trí Dũng
Bà Nguyễn Thị Diệu ThúyTổng Giám đốc
Phó Tổng giám đốc
Kế toán trưởng**a) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Doanh thu		
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	-	1.303.769.516
Lợi nhuận hợp tác phải trả		
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	4.299.664.103	-
Lợi nhuận hợp tác đã trả		
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	4.004.024.543	-

b) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An	48.952.457.207	48.952.457.207
Phải trả khác		
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	3.935.639.560	3.827.073.496
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An	93.960.000.000	93.960.000.000
Vay		
Lê Tiến Dũng	750.000.000	750.000.000
Phan Trí Dũng	50.000.000	50.000.000
Nguyễn Thị Diệu Thúy	730.000.000	730.000.000

c) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

		Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc	Chức vụ	1.812.140.777	1.665.253.996
Ông Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT	354.943.000	328.216.055
Ông Lê Tiến Dũng	Tổng giám đốc	554.041.865	527.306.654
Ông Phan Trí Dũng	Phó Tổng giám đốc	289.171.366	270.795.174
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc	316.690.728	272.567.140
Ông Cao Tiến Dũng	Phó Tổng giám đốc	297.293.818	266.368.973
Thu nhập của Kế toán trưởng và các thành viên quản lý khác		648.492.092	602.930.910
Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy	Kế toán trưởng	317.389.092	298.152.110

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Ông Trần Đức Thảo	Trợ lý chủ tịch	331.103.000	304.778.800
Thù lao của các thành viên HĐQT	Chức vụ	44.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch	-	-
Ông Lê Tiến Dũng	Phó chủ tịch	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng	Phó chủ tịch (Thôi chức vụ từ ngày 07/06/2022)	1.000.000	12.000.000
Ông Cao Quang Hưng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 07/06/2022)	7.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	12.000.000	12.000.000
Ông Cao Tiến Dũng	Thành viên	12.000.000	12.000.000
Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	28.800.000	28.800.000
Ông Lương Tấn Hoàn	Trưởng BKS (Bổ nhiệm từ ngày 07/06/2022)	7.000.000	-
Bà Vũ Thị Huệ	Trưởng BKS (Thôi chức vụ từ ngày 07/06/2022)	5.000.000	12.000.000
Bà Trần Thị Thu Thủy	Thành viên	8.400.000	8.400.000
Bà Dương Thị Ngọc	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 07/06/2022)	4.900.000	
Ông Nguyễn Xuân Trường	Thành viên (Thôi chức vụ từ ngày 07/06/2022)	3.500.000	8.400.000
Cộng		2.533.432.869	2.344.984.906

3. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đinh Thị Minh Hương

Nguyễn Thị Diệu Thúy

Lê Tiến Dũng

